TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ - ST
Ngày 09-3-2021
V/v tranh chấp " Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Dương Văn Hai.
2. Ông Nguyễn Văn Chót.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Hồ Văn Tú- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Phú Quí- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 424/2020/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Mỹ P, sinh năm 1982;
Địa chỉ: ấp VN, xã ĐĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre.
Chị P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1979;
Địa chỉ: ấp VN, xã ĐĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre.
Anh Đ có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Đặng Thị Mỹ P trình bày:

Vào năm 2003 chị với anh Đ kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐĐ, huyện P và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/6/2003. Việc kết hôn và đăng ký kết hôn là do các bên tự nguyện. Chị và anh Đ có 02 con chung Nguyễn Đặng Hồng N, sinh ngày 24/8/2004 và Nguyễn Hoài T, sinh ngày 07/7/2016, hai con chung đang sống chung với anh Đ.

Thời gian đầu chị với anh Đ chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Đ hay ghen tuông vô cớ, chửi bới chị, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Khoảng cuối năm 2019 đến nay chị và anh Đ không còn sống chung, không

có thiện chí hàn gắn tình cảm, không ai quan tâm ai nên không còn khả năng hàn gắn tình cảm với nhau được.

Chị P yêu cầu giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với anh Đ. Khi ly hôn chị không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng cho chị.

- Về con chung: Chị P đồng ý giao 02 con chung cho anh Đ trực tiếp nuôi. Chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị và anh Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần các thông báo nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Vào năm 2003 anh với chị P kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐĐ, huyện P và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/6/2003. Việc kết hôn và đăng ký kết hôn là do các bên tự nguyện. Anh và chị P có 02 con chung Nguyễn Đặng Hồng N, sinh ngày 24/8/2004 và Nguyễn Hoài T, sinh ngày 07/7/2016, hai con chung đang sống chung với anh.

Thời gian đầu chị với anh Đ chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do anh hay ghen tuông, chửi bới chị P nên chị P có đơn yêu cầu ly hôn với anh tại Tòa án, sau đó chị P tự nguyện rút yêu cầu nên Tòa án đình chỉ việc giải quyết vụ án. Khoảng đầu năm 2020 đến nay chị P và anh không còn sống chung, không có thiện chí hàn gắn tình cảm. Khi chị P gởi đơn yêu cầu ly hôn với anh lần thứ 02 thì anh có gặp chị P để yêu cầu chị P rút đơn khởi kiện với anh nhưng chị P không đồng ý. Gia đình anh biết rõ anh với chị P không còn sống chung, còn gia đình chị P có biết hay không thì anh không biết. Từ khi anh với chị P không còn sống chung đến nay thì gia đình anh không tạo điều kiện để anh với chị P hàn gắn với nhau. Hiện nay anh với chị P làm chung một chổ, hàng ngày đều gặp mặt nhau nhưng không ai nói chuyện với ai, không liên lạc điện thoại với nhau, không ai quan tâm ai.

Đối với các yêu cầu của chị P, anh có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn với chị P, anh muốn được hàn gắn tình cảm với chị P. Anh đề nghị tạm ngừng phiên tòa trong thời hạn 06 tháng để anh hàn gắn tình cảm với chị P, nếu chị P không đồng ý thì anh nhờ cha mẹ hai bên tác động để chị P hàn gắn tình cảm với anh, nếu chị P vẫn không đồng ý thì khi nào con chung Nguyễn Hoài T lớn thì anh mới đồng ý ly hôn. Do anh không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng vợ và chồng khi ly hôn.

- Về con chung: Anh đồng ý nuôi 02 con chung, anh không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình thự thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn Đặng Thị Mỹ P đã thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 71

của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn Nguyễn Văn Đ chưa thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ lời trình bày của chị P, anh Đ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy: tình trạng hôn nhân giữa chị P và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 115 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Văn Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp VN, xã ĐĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Đặng Thị Mỹ P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị P.

[4] Về hôn nhân: Vào năm 2003 chị P và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã ĐĐ, huyện P cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/9/2003 nên hôn nhân của chị P và anh Đ là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị P yêu cầu ly hôn với anh Đ là anh Đ ghen tuông vô cớ, chửi bới chị làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên không thể tiếp tục chung sống với nhau. Anh Đ cũng thừa nhận nguyên nhân làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc là do anh nhiều lần ghen tuông vô cớ, chửi bới chị P nhưng anh không đồng ý ly hôn với chị P, anh muốn được hàn gắn tình cảm với chị P, anh không đồng ý ly hôn với chị P.

Xét thấy: Từ khi anh Đ với chị P không còn sống chung đến nay thì Đ và chị P vẫn làm chung một chỗ, hàng ngày đều gặp mặt nhau nhưng không ai nói chuyện với ai, không ai quan tâm ai. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhiều lần các thông báo, quyết định của Tòa án nhằm tạo điều kiện để chị P và anh Đ hòa giải với nhau nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa anh Đ và chị P đã lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị P đối với anh Đ là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do chị P và anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng vợ và chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

[5] Về con chung: Chị P và anh Đ có 02 con chung Nguyễn Đặng Hồng N, sinh ngày 24/8/2004 và Nguyễn Hoài T, sinh ngày 07/7/2016. Các con chung từ trước đến nay sống cùng với gia đình anh Đ được chăm sóc rất tốt, cháu Hồng Ngọc có nguyện vọng sống chung với anh Đ. Chị P đồng ý giao 02 con chung cho anh Đ trực tiếp nuôi,

anh Đ đồng ý nuôi 02 con chung. Lẽ đó, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của chị P, giao cháu Hồng Ng và cháu Hoài T cho anh Đ trực tiếp nuôi là phù hợp. Do anh Đ không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Chị Đặng Thị Mỹ P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị Đặng Thị Mỹ P có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con, chị Đặng Thị Mỹ P có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung: Chị P trình bày sẽ do chị với anh Đ tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết. Anh Đ trình bày không có nên không xem xét giải quyết. Do anh Đ và chị P không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Chị P và anh Đ trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Đặng Thị Mỹ P phải nộp án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đặng Thị Mỹ P. Chị Đặng Thị Mỹ P được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ. Do chị P và anh Đ không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng vợ và chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn Đ được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Nguyễn Đặng Hồng N, sinh ngày 24/8/2004 và Nguyễn Hoài T, sinh ngày 07/7/2016 (do cháu Hồng N có nguyện vọng sống chung với anh Đ). Do anh Đ không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Do anh Đ và chị P không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị P và anh Đ trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Đặng Thị Mỹ P phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003192 ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú và đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- UBND xã ĐĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Nguyễn Văn Vinh– Nguyễn Văn Chót	**Trần Thị Vân**

Caùc Hoäi thaåm nhaân daân phieân toaø	**Thaåm phaùn – Chuû toaï**
Nguyễn Văn Chót – Phạm Minh Đạt	**Huyønh Thò Pheâ**